

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Xét đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống của nông dân và cư dân sống ở nông thôn.

2. Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn là một hệ thống các biện pháp, chính sách của Nhà nước nhằm khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, xoá đói giảm nghèo và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức được thực hiện cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn bao gồm:

a) Các tổ chức tín dụng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Các tổ chức tài chính quy mô nhỏ, thực hiện việc cho vay các món tiền nhỏ cho người nghèo và các đối tượng khác trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định của pháp luật;

c) Các ngân hàng, tổ chức tài chính được Chính phủ thành lập để thực hiện việc cho vay theo chính sách của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân được vay vốn theo quy định tại Nghị định này để phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bao gồm:

a) Hộ gia đình, hộ kinh doanh trên địa bàn nông thôn;

b) Cá nhân;

c) Chủ trang trại;

d) Các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn nông thôn;

đ) Các tổ chức và cá nhân cung ứng các dịch vụ phục vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản;

e) Các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp hoặc kinh doanh trong các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, cung ứng dịch vụ phi nông nghiệp, có cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nông thôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Nông thôn”: là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn, được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã.

2. “Nông nghiệp”: là phân ngành trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân, bao gồm các lĩnh vực nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản.

3. “Chủ trang trại”: là cá nhân, hộ gia đình thực hiện kinh doanh nông nghiệp với quy mô lớn, phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. “Thiên tai, dịch bệnh trên diện rộng”: là việc sản xuất nông nghiệp của người nông dân bị ảnh hưởng tiêu cực do dịch bệnh, bão, lũ lụt, hạn hán và các hình thức khác trên phạm vi rộng trong một hoặc nhiều tỉnh, thành phố và được cấp có thẩm quyền xác nhận và thông báo về tình trạng thiên tai, dịch bệnh.

5. “Cơ sở hạ tầng nông thôn”: bao gồm hạ tầng cơ sở kỹ thuật (hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và các công trình khác) và cơ sở xã hội (các công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên và các công trình khác).

Điều 4. Các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn

1. Cho vay các chi phí sản xuất trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp;
2. Cho vay phát triển ngành nghề tại nông thôn;
3. Cho vay đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn;
4. Cho vay chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối;
5. Cho vay để kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ phục vụ nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản;
6. Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ phi nông nghiệp trên địa bàn nông thôn;
7. Cho vay tiêu dùng nhằm nâng cao đời sống nhân dân ở nông thôn;
8. Cho vay theo các chương trình kinh tế của Chính phủ.

Điều 5. Nguyên tắc cho vay

1. Các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính quy mô nhỏ đầu tư tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống của nhân dân trên nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư.

2. Các tổ chức tín dụng thực hiện cơ chế bảo đảm tiền vay theo quy định hiện hành và xác định mức cho vay không có bảo đảm đối với từng đối tượng cụ thể, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của khách hàng và khả năng quản lý rủi ro của tổ chức tín dụng. Các tổ chức tín dụng thông báo công khai mức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản, điều kiện, thủ tục cho vay cụ thể trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

3. Các ngân hàng, tổ chức tài chính thực hiện cho vay các đối tượng chính sách và các chương trình kinh tế theo chỉ định của Chính phủ, được Chính phủ bảo đảm các điều kiện để thực hiện thông qua các chính sách đối với nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong từng thời kỳ.

4. Các tổ chức tài chính quy mô nhỏ cho vay các đối tượng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước

Chính phủ có chính sách khuyến khích, hỗ trợ việc cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua các công cụ điều hành chính sách tiền tệ, chính sách xử lý rủi ro phát sinh trên diện rộng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và các chính sách cụ thể khác trong từng thời kỳ.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Nguồn vốn cho vay

1. Nguồn vốn cho vay của các tổ chức tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bao gồm:

- a) Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng và các tổ chức cho vay khác;
- b) Vốn vay, vốn nhận tài trợ, uỷ thác của các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước;
- c) Nguồn vốn uỷ thác của Chính phủ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;
- d) Vốn vay Ngân hàng Nhà nước: căn cứ mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ và yêu cầu phát triển kinh tế trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước có chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho các tổ chức tín dụng thông qua việc sử dụng các công cụ điều hành chính sách tiền tệ.

2. Các ngân hàng, tổ chức tài chính thực hiện cho vay các đối tượng chính sách, các chương trình kinh tế của Chính phủ ở nông thôn, được Chính phủ bảo đảm nguồn vốn cho vay từ ngân sách chuyển sang hoặc cấp bù chênh lệch giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng.

Điều 8. Cơ chế bảo đảm tiền vay

1. Tổ chức tín dụng được xem xét cho khách hàng vay trên cơ sở có bảo đảm hoặc không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức tín dụng quy định rõ mức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản, điều kiện và thủ tục cho vay không có bảo đảm bằng tài sản đối với từng đối tượng khách hàng, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Riêng đối với các đối tượng khách hàng là cá nhân, hộ gia đình, hộ sản xuất kinh doanh ở nông thôn, các hợp tác xã, chủ trang trại, tổ chức tín dụng được xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản theo các mức như sau:

a) Tối đa đến 50 triệu đồng đối với đối tượng là các cá nhân, hộ sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp;

b) Tối đa đến 200 triệu đồng đối với các hộ kinh doanh, sản xuất ngành nghề hoặc làm dịch vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn;

c) Tối đa đến 500 triệu đồng đối với đối tượng là các hợp tác xã, chủ trang trại.

3. Tổ chức tín dụng xem xét cho vay tín chấp đối với các đối tượng khách hàng là cá nhân, hộ gia đình trên cơ sở có bảo đảm của các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn theo quy định hiện hành. Tổ chức chính trị - xã hội phối hợp và được thực hiện toàn bộ hoặc một số khâu của nghiệp vụ tín dụng sau khi đã thoả thuận với tổ chức tín dụng cho vay.

4. Căn cứ vào đặc thù cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, các tổ chức tín dụng hướng dẫn cụ thể quy trình thực hiện bảo đảm tiền vay đối với khách hàng vay vốn theo hướng đơn giản và thuận tiện.

5. Các đối tượng khách hàng được vay không có tài sản bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều này phải nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với các đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) hoặc được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp. Khách hàng chỉ được sử dụng giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp để vay tại một tổ chức tín dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng giấy xác nhận trên để vay không có tài sản bảo đảm theo quy định tại Nghị định này.

6. Các cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất kinh doanh thì không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm cho cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm theo thẩm quyền.

Điều 9. Thời hạn cho vay

Căn cứ vào thời gian luân chuyển vốn, khả năng hoàn vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng, tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận thời hạn vay vốn phù hợp.

Điều 10. Cơ cấu lại thời hạn nợ và cho vay mới

1. Trường hợp khách hàng chưa trả được nợ đúng hạn cho tổ chức tín dụng do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh...), tổ chức tín dụng được xem xét cơ cấu lại thời hạn nợ cho khách hàng theo quy định hiện hành, đồng thời căn cứ dự án, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng trả được nợ của khách hàng để xem xét cho vay mới, mà không phụ thuộc vào dư nợ cũ của khách hàng chưa trả nợ đúng hạn.

2. Trường hợp thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, khi có thông báo của cấp có thẩm quyền (như Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), ngoài việc xem xét cơ cấu lại thời hạn nợ cho khách hàng quy định tại khoản 1 Điều này, Chính phủ có chính sách hỗ trợ cụ thể đối với tổ chức, cá nhân vay vốn bị thiệt hại nặng, không có khả năng trả nợ. Tổ chức tín dụng cho vay được thực hiện khoan nợ không tính lãi cho người vay đối với dư nợ hiện còn tại thời điểm xảy ra thiên tai, dịch bệnh được công bố tại địa phương. Thời gian khoan nợ tối đa là 2 năm và số lãi tổ chức tín dụng đã khoan cho khách hàng được giảm trừ vào lợi nhuận trước thuế của tổ chức tín dụng.

Điều 11. Lãi suất cho vay

1. Các ngân hàng, tổ chức tài chính thực hiện cho vay các đối tượng chính sách, các chương trình kinh tế ở nông thôn theo chỉ định của Chính phủ thì thực hiện việc cho vay theo mức lãi suất do Chính phủ quy định.

2. Lãi suất cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn của các tổ chức tín dụng được thực hiện theo cơ chế tín dụng thương mại hiện hành.

3. Những khoản cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn của các tổ chức tín dụng do Chính phủ hoặc các tổ chức cá nhân khác uỷ thác thì mức lãi suất được thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc theo thoả thuận với bên uỷ thác.

4. Các tổ chức tài chính quy mô nhỏ thực hiện việc cho vay theo lãi suất thoả thuận với khách hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Trích lập dự phòng rủi ro

1. Tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo thực tế phát sinh. Trong năm, các tổ chức tín dụng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo thực tế rủi ro phát sinh năm trước, cuối năm điều chỉnh theo thực tế rủi ro phát sinh trong năm, không phân biệt khoản vay đó có tài sản hay không có tài sản đảm bảo.

2. Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Điều 13. Xử lý rủi ro

1. Tổ chức tín dụng thực hiện xử lý rủi ro cho vay nông nghiệp, nông thôn từ nguồn dự phòng rủi ro của tổ chức tín dụng.

2. Trường hợp phát sinh rủi ro trên diện rộng do các nguyên nhân khách quan, vượt quá khả năng của tổ chức tín dụng, Nhà nước xem xét có chính sách cụ thể đối với từng trường hợp.

Điều 14. Bảo hiểm trong nông nghiệp

Tổ chức tín dụng có chính sách miễn, giảm lãi đối với khách hàng tham gia mua bảo hiểm trong nông nghiệp theo chính sách khách hàng của mình để khuyến khích khách hàng vay vốn tham gia mua bảo hiểm trong nông nghiệp nhằm hạn chế rủi ro đối với tổ chức tín dụng.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định này.

2. Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn thông qua việc sử dụng các công cụ điều hành chính sách tiền tệ quốc gia.

3. Xây dựng chính sách hỗ trợ thông qua đào tạo và đào tạo lại cán bộ tín dụng cho các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và các tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, giám sát, đề xuất biện pháp xử lý nợ và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình xử lý nợ theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

5. Xây dựng chính sách khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng mạng lưới (chi nhánh, phòng giao dịch) đến địa bàn nông thôn, đặc biệt vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn.

Điều 16. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó có quy hoạch chi tiết về phát triển cây trồng, vật nuôi, ngành nghề trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

2. Chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và nghề muối; hướng dẫn các hộ gia đình, hợp tác xã, chủ trang trại và các đối tượng khác xây dựng dự án, phương án sản xuất nông nghiệp hiệu quả, làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng cho vay.

3. Hỗ trợ nông dân về khoa học kỹ thuật, giống, bảo quản sau thu hoạch để phục vụ cho tiêu thụ sản phẩm của nông dân.

4. Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc hoàn thiện các quy định pháp lý và hướng dẫn thực hiện việc cấp giấy chứng nhận đối với chủ trang trại và các đối tượng khác, tạo cơ sở pháp lý cho các đối tượng này vay vốn tại tổ chức tín dụng.

5. Thông báo cụ thể thời gian, phạm vi thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại trên diện rộng cho vật nuôi và cây trồng trên các phương tiện thông tin đại chúng để các đơn vị có liên quan thực hiện các biện pháp hỗ trợ.

Điều 17. Bộ Tài chính

1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát, đề xuất biện pháp xử lý nợ và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình xử lý nợ theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

2. Phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc không thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc hướng dẫn trích lập dự phòng rủi ro đối với cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp.

Điều 18. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Làm đầu mối trong việc đàm phán, khai thác nguồn vốn hỗ trợ trong và ngoài nước để ủy thác qua các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng cơ chế và xác định nguồn vốn ngân sách hàng năm để cho vay ủy thác qua các tổ chức tín dụng đối với nông nghiệp, nông thôn để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Tổng hợp các chương trình, dự án phát triển hạ tầng nông thôn theo quy hoạch phát triển đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt kèm theo dự kiến phân bổ nguồn vốn đầu tư để làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng cho vay.

4. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, giám sát và đề xuất phương án xử lý rủi ro đối với các khoản cho vay nông nghiệp, nông thôn bị thiệt hại trên diện rộng.

Điều 19. Bộ Công thương, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ nông dân về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông nghiệp.

2. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc không thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Nghị định này.

3. Bộ Y tế thông báo cụ thể thời gian, phạm vi dịch bệnh trên người hoặc dịch bệnh lây lan giữa người và vật nuôi để làm cơ sở xác định thiệt hại mà dân cư trong vùng phải gánh chịu, trong đó có thiệt hại từ nguồn vốn vay ngân hàng.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, đôn đốc và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 20. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Thực hiện công tác quy hoạch phát triển các sản phẩm nông nghiệp và quy hoạch cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh, thành phố; có chính sách hỗ trợ nông dân về khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thông tin thị trường và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Chỉ đạo các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp dưới trong việc hỗ trợ các tổ chức tín dụng thẩm định, cho vay, thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xem xét xác nhận giấy đề nghị vay vốn tín chấp của các đối tượng khách hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 8 của Nghị định này.

4. Chủ trì xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ (thông qua Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước) về cơ chế xử lý rủi ro đối với các khoản vay của các đối tượng khách hàng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên diện rộng.

Điều 21. Các tổ chức chính trị - xã hội

1. Thực hiện tín chấp để bảo đảm cho một số đối tượng khách hàng tại địa bàn nông thôn được vay vốn tại các tổ chức tín dụng theo quy định.

2. Phối hợp với tổ chức tín dụng thực hiện toàn bộ hoặc một số khâu trong nghiệp vụ tín dụng, sau khi đã thoả thuận với tổ chức tín dụng cho vay.

3. Theo dõi, giám sát và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân được bảo lãnh trong việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và trả nợ các tổ chức tín dụng đúng hạn.

Điều 22. Các tổ chức tín dụng

1. Căn cứ vào Nghị định này và văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý thực hiện việc hướng dẫn cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong toàn hệ thống tổ chức tín dụng theo hướng rõ ràng, minh bạch và thủ tục đơn giản để tạo điều kiện cho khách hàng dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay của tổ chức tín dụng.

2. Ban hành quy định, thủ tục cho vay không có tài sản bảo đảm để thực hiện thống nhất trong hệ thống theo hướng thuận tiện, đơn giản, phù hợp với đối tượng vay, mức cho vay không có tài sản đảm bảo đối với khách hàng vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

3. Hướng dẫn việc thực hiện miễn giảm lãi suất đối với các khách hàng có mua bảo hiểm trong nông nghiệp khi vay vốn tại tổ chức tín dụng, phù hợp với chính sách khách hàng của mình.

4. Mở rộng mạng lưới hoạt động tại các vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn, phù hợp với thực tế về khả năng tài chính và năng lực hoạt động của tổ chức tín dụng; phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương để thực hiện cho vay, thu hồi nợ vay và giám sát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng.

Điều 23. Khách hàng vay vốn

1. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận với tổ chức tín dụng.

3. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật có liên quan khi vay vốn tại tổ chức tín dụng.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2010.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). XH **290**

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng